

Số: 158/QĐ-UBND

Vạn Khánh, ngày 12 tháng 8 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

**Công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo,  
hộ thoát cận nghèo định kỳ hàng năm trên địa bàn xã Vạn Khánh**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẠN KHÁNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 và mẫu biểu báo cáo Căn cứ Quyết định số 1433/QĐ-UBND ngày 06/12/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Vạn Ninh về việc phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 theo chuẩn nghèo giai đoạn 2021-2025 của UBND xã Vạn Khánh;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025 và mẫu biểu báo cáo

Căn cứ Kế hoạch số 3416/KH-UBND ngày 26/8/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Vạn Ninh về việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2024 trên địa bàn huyện Vạn Ninh.

Căn cứ Kế hoạch số 382/KH-UBND ngày 04/09/2024 của UBND xã Vạn Khánh về việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn xã Vạn Khánh năm 2024;

*Căn cứ Quyết định số: 1757/QĐ-UBND ngày 16/12/2024 của UBND huyện Vạn Ninh về việc Phê duyệt danh sách kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn xã Vạn Khánh;*

*Theo đề nghị của Trưởng Ban chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo xã Vạn Khánh.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2024 trên địa bàn Xã Vạn Khánh cụ thể như sau:

Tổng số hộ dân trên địa bàn: 2.241 hộ, 8.181 khẩu, Trong đó:

1. Hộ nghèo: 38 hộ/75 khẩu, Tỷ lệ: 1,70%
2. Hộ cận nghèo: 79 hộ/219 khẩu, Tỷ lệ: 3,53%
3. Hộ thoát nghèo: 06 hộ, 16 khẩu, Tỷ lệ 0,27 %
4. Hộ thoát cận nghèo: 14 hộ, 64 khẩu, Tỷ lệ 0,62 %

*(Danh sách chi tiết tại Phụ lục kèm theo Quyết định này)*

**Điều 2.** Cấp Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo cho hộ nghèo, hộ cận nghèo được công nhận tại Quyết định này. Số hộ nghèo, hộ cận nghèo được công nhận tại Quyết định này là cơ sở thực hiện các chính sách, an sinh xã hội và chính sách kinh tế, xã hội khác năm 2024.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã, công chức được giao nhiệm vụ làm công tác giảm nghèo, thống kê và các công chức cấp xã liên quan, Trưởng các thôn và các hộ gia đình có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Ủy ban MTTQVN xã;
- UBND huyện Vạn Ninh;
- Phòng LĐTBXH huyện Vạn Ninh;
- Lưu: VT, T.



**CHỦ TỊCH**

**Võ Văn Hòa**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ VẠN KHÁNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Vạn Khánh, ngày 18 tháng 12 năm 2024

DANH SÁCH HỘ NGHÈO SAU KHI RÀ SOÁT

(Kèm theo Quyết định số 158 /QĐ-UBND, ngày 18 / 12 /2024 của UBND xã Vạn Khánh)

| STT                        | Họ và tên chủ hộ     | Giới tính<br>(1: Nam, 2: Nữ) | Ngày tháng năm sinh | Số nhà n khẩu u trong hộ | Địa chỉ    | Tổng điểm |         | Ghi chú                      |
|----------------------------|----------------------|------------------------------|---------------------|--------------------------|------------|-----------|---------|------------------------------|
|                            |                      |                              |                     |                          |            | Điểm B1   | Điểm B2 |                              |
| A                          | B                    | 1                            | 2                   |                          | 3          | 4         | 5       | 6                            |
| I. THÔN LÂM ĐIỀN 05 HỘ     |                      |                              |                     | 11                       |            |           |         |                              |
| 1                          | ĐOÀN VINH            | 1                            | 1938                | 2                        | Lâm Điền   | 110       | 30      |                              |
| 2                          | NGUYỄN THỊ LÊN       | 2                            | 1940                | 2                        | Lâm Điền   | 90        | 40      |                              |
| 3                          | NGUYỄN THỊ BÉ        | 2                            | 1974                | 5                        | Lâm Điền   | 90        | 30      |                              |
| 4                          | PHAN THỊ LÂM         | 2                            | 1949                | 1                        | Lâm Điền   | 110       | 40      |                              |
| 5                          | NGUYỄN VĂN CANH      | 1                            | 1974                | 1                        | Lâm Điền   | 115       | 30      |                              |
| II. THÔN TIỀN NINH 10 HỘ   |                      |                              |                     | 18                       |            |           |         |                              |
| 6                          | NGÔ THỊ SÁU          | 2                            | 1944                | 2                        | Tiên Ninh  | 100       | 50      |                              |
| 7                          | NGUYỄN THỊ NAY       | 2                            | 1945                | 1                        | Tiên Ninh  | 110       | 40      |                              |
| 8                          | NGUYỄN THỊ DO        | 2                            | 1953                | 1                        | Tiên Ninh  | 110       | 30      |                              |
| 9                          | HUỲNH VĂN TÁM        | 1                            | 1949                | 3                        | Tiên Ninh  | 95        | 40      |                              |
| 10                         | NGUYỄN TẤN THÀNH     | 1                            | 1950                | 1                        | Tiên Ninh  | 115       | 30      |                              |
| 11                         | NGUYỄN THỊ NGỌC THỦY | 2                            | 1994                | 5                        | Tiên Ninh  | 100       | 40      | Cận Nghèo trở thành hộ nghèo |
| 12                         | NGUYỄN THỊ BỈ        | 2                            | 1935                | 1                        | Tiên Ninh  | 130       | 30      |                              |
| 13                         | NGUYỄN THỊ SA        | 2                            | 1943                | 1                        | Tiên Ninh  | 130       | 40      |                              |
| 14                         | LÊ VĂN THƯƠNG        | 1                            | 1940                | 2                        | Tiên Ninh  | 125       | 30      |                              |
| 15                         | VÕ THỊ MÙI           | 2                            | 1930                | 1                        | Tiên Ninh  | 110       | 30      |                              |
| IV. THÔN NHƠN KHÁNH: 10 HỘ |                      |                              |                     | 26                       |            |           |         |                              |
| 16                         | HUỲNH THỊ GIỎI       | 2                            | 1951                | 3                        | Nhơn Khánh | 120       | 40      |                              |
| 17                         | NGUYỄN THỊ THƯỜNG    | 2                            | 1969                | 4                        | Nhơn Khánh | 130       | 40      |                              |
| 18                         | LÊ THÍCH             | 1                            | 1934                | 6                        | Nhơn Khánh | 125       | 30      |                              |
| 19                         | HÀ VĂN TÝ            | 1                            | 1974                | 4                        | Nhơn Khánh | 110       | 30      |                              |
| 20                         | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG    | 2                            | 1932                | 1                        | Nhơn Khánh | 120       | 30      |                              |
| 21                         | NGUYỄN VĂN THẠNH     | 1                            | 1947                | 5                        | Nhơn Khánh | 90        | 30      |                              |
| 22                         | NGUYỄN CHỐ           | 1                            | 1934                | 1                        | Nhơn Khánh | 95        | 30      |                              |
| 23                         | LÊ THỊ NHẪN          | 2                            | 1942                | 1                        | Nhơn Khánh | 100       | 40      |                              |
| 24                         | NGUYỄN VĂN CHÍN      | 1                            | 1930                | 1                        | Nhơn Khánh | 110       | 30      |                              |
| 25                         | HÀ THỊ HOA           | 1                            | 1937                | 1                        | Nhơn Khánh | 110       | 30      |                              |

| V. THÔN HỘI KHÁNH 09 HỘ    |                      |   |      | 14 |                |     |    |  |
|----------------------------|----------------------|---|------|----|----------------|-----|----|--|
| 26                         | NGUYỄN PHI CHÂU      | 1 | 1950 | 1  | Hội Khánh      | 115 | 30 |  |
| 27                         | TRẦN THỊ ĐI          | 2 | 1933 | 2  | Hội Khánh      | 120 | 40 |  |
| 28                         | NGUYỄN THỊ BIÊN THÙY | 2 | 1980 | 3  | Hội Khánh      | 130 | 30 |  |
| 29                         | TRỊNH THỊ NHANH      | 2 | 1950 | 1  | Hội Khánh      | 120 | 40 |  |
| 30                         | TRẦN THỊ GIÚP        | 2 | 1937 | 1  | Hội Khánh      | 115 | 40 |  |
| 31                         | LƯƠNG THỊ HỘI        | 2 | 1936 | 2  | Hội Khánh      | 120 | 40 |  |
| 32                         | NGUYỄN THỊ ÚT        | 2 | 1942 | 1  | Hội Khánh      | 105 | 40 |  |
| 33                         | NGUYỄN THỊ NGAY      | 2 | 1945 | 1  | Hội Khánh      | 100 | 50 |  |
| 34                         | HUỲNH THỊ GẮNG       | 1 | 1946 | 2  | Hội Khánh      | 130 | 30 |  |
| THÔN HỘI KHÁNH ĐÔNG: 04 HỘ |                      |   |      | 6  |                |     |    |  |
| 35                         | TRẦN THỊ LƯỢM        | 2 | 1953 | 1  | Hội Khánh Đông | 125 | 40 |  |
| 36                         | NGUYỄN THỊ TÀI       | 2 | 1949 | 1  | Hội Khánh Đông | 130 | 40 |  |
| 37                         | NGUYỄN VĂN NỞ        | 1 | 1973 | 1  | Hội Khánh Đông | 130 | 30 |  |
| 38                         | TRẦN THỊ THU HIỆU    | 2 | 2003 | 3  | Hội Khánh Đông | 120 | 30 |  |
| TỔNG CÔNG: 38 HỘ           |                      |   |      | 75 |                |     |    |  |

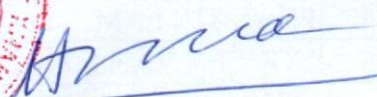
NGƯỜI LẬP BIỂU



Huỳnh Thị Thảo



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Võ Văn Hòa

ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ VẠN KHÁNH

## CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Vạn Khánh, ngày tháng năm 2024

## DANH SÁCH HỘ CẬN NGHÈO SAU KHI RÀ SOÁT

(Kèm theo Quyết định số 158/QĐ-UBND, ngày 18/12/2024 của UBND xã Vạn Khánh)

| S<br>T<br>T                 | Họ và tên chủ hộ     | Giới<br>tính<br>(1:<br>Na<br>m,<br>2:<br>Nữ) | Ngày,<br>tháng<br>năm<br>sinh | Số<br>nhâ<br>n<br>khả<br>u<br>tron<br>g hộ | Địa chỉ    | Tổng điểm  |            | Ghi chú          |
|-----------------------------|----------------------|----------------------------------------------|-------------------------------|--------------------------------------------|------------|------------|------------|------------------|
|                             |                      |                                              |                               |                                            |            | Điểm<br>B1 | Điểm<br>B2 |                  |
| A                           | B                    | 1                                            | 2                             |                                            | 3          | 4          | 5          |                  |
| I. THÔN LÂM ĐIỀN: 18 HỘ     |                      |                                              |                               | 54                                         |            |            |            |                  |
| 1                           | VÕ THỊ LAN           | 2                                            | 1950                          | 1                                          | Lâm Điền   | 125        | 20         |                  |
| 2                           | PHẠM THỊ HUYỀN       | 2                                            | 1977                          | 1                                          | Lâm Điền   | 120        | 20         |                  |
| 3                           | NGUYỄN THỊ AI        | 2                                            | 1945                          | 1                                          | Lâm Điền   | 135        | 20         |                  |
| 4                           | BÙI VĂN KHIÊM        | 1                                            | 1963                          | 4                                          | Lâm Điền   | 135        | 20         |                  |
| 5                           | NGUYỄN THÀNH ĐỒ      | 1                                            | 1985                          | 5                                          | Lâm Điền   | 110        | 20         |                  |
| 6                           | LÊ VĂN TRƯỜNG        | 1                                            | 1992                          | 4                                          | Lâm Điền   | 100        | 20         |                  |
| 7                           | BÙI XÊ               | 1                                            | 1940                          | 3                                          | Lâm Điền   | 140        | 10         | Nghèo Xuống CN   |
| 8                           | ĐẶNG THỊ THIẾT       | 2                                            | 1944                          | 5                                          | Lâm Điền   | 120        | 20         |                  |
| 9                           | PHẠM THỊ THƠ         | 2                                            | 1945                          | 6                                          | Lâm Điền   | 105        | 20         |                  |
| 10                          | HUỖNH QUANG DUYỆT    | 1                                            | 1970                          | 5                                          | Lâm Điền   | 130        | 20         |                  |
| 11                          | NGUYỄN THỊ THÙY LINH | 2                                            | 1982                          | 3                                          | Lâm Điền   | 115        | 20         |                  |
| 12                          | TRẦN THỊ LỆ NGOAN    | 2                                            | 1961                          | 1                                          | Lâm Điền   | 130        | 20         |                  |
| 13                          | NGUYỄN THỊ MINH      | 2                                            | 1963                          | 1                                          | Lâm Điền   | 125        | 20         |                  |
| 14                          | TRẦN THỊ MINH        | 1                                            | 1945                          | 3                                          | Lâm Điền   | 135        | 20         |                  |
| 15                          | NGUYỄN THỊ KIM DUNG  | 2                                            | 1974                          | 2                                          | Lâm Điền   | 100        | 20         |                  |
| 16                          | HUỖNH VĂN ĐẠI        | 1                                            | 1979                          | 6                                          | Lâm Điền   | 110        | 20         |                  |
| 17                          | LÊ THỊ BÍCH THÚY     | 2                                            | 1973                          | 2                                          | Lâm Điền   | 140        | 10         |                  |
| 18                          | LÊ THỊ NHUNG         | 1                                            | 1949                          | 1                                          | Lâm Điền   | 105        | 20         |                  |
| II THÔN TIỀN NINH: 12 HỘ    |                      |                                              |                               | 38                                         |            |            |            |                  |
| 19                          | ĐỖ THỊ HỒNG THU      | 2                                            | 1984                          | 2                                          | Tiền Ninh  | 135        | 20         | Phát Sinh CN mới |
| 20                          | NGUYỄN THỊ NUÔI      | 2                                            | 1951                          | 1                                          | Tiền Ninh  | 125        | 20         |                  |
| 21                          | LÊ THỊ CÚC           | 2                                            | 1954                          | 1                                          | Tiền Ninh  | 115        | 20         |                  |
| 22                          | HOÀNG THỊ HỒNG PHƯỚC | 2                                            | 1989                          | 3                                          | Tiền Ninh  | 125        | 20         |                  |
| 23                          | THÁI THỊ NGỌC        | 2                                            | 1976                          | 4                                          | Tiền Ninh  | 125        | 20         |                  |
| 24                          | NGUYỄN NGỌC VINH     | 1                                            | 1954                          | 2                                          | Tiền Ninh  | 135        | 20         |                  |
| 25                          | NGUYỄN THỊ CHI       | 2                                            | 1954                          | 4                                          | Tiền Ninh  | 125        | 20         |                  |
| 26                          | NGUYỄN NGỌC NHƠN     | 1                                            | 1992                          | 6                                          | Tiền Ninh  | 130        | 10         |                  |
| 27                          | DƯƠNG THỊ LIÊN       | 2                                            | 1940                          | 1                                          | Tiền Ninh  | 135        | 20         |                  |
| 28                          | BÙI THỊ NGỌC         | 2                                            | 1967                          | 2                                          | Tiền Ninh  | 130        | 20         |                  |
| 29                          | BÙI THỊ LỢI          | 2                                            | 1960                          | 5                                          | Tiền Ninh  | 135        | 20         |                  |
| 30                          | NGUYỄN THỊ GÁI       | 1                                            | 1970                          | 7                                          | Tiền Ninh  | 130        | 20         |                  |
| III. THÔN NHƠN KHÁNH: 26 HỘ |                      |                                              |                               | 69                                         |            |            |            |                  |
| 31                          | VÕ THỊ DÀNG          | 2                                            | 1950                          | 5                                          | Nhơn Khánh | 125        | 20         |                  |
| 32                          | VÕ VĂN GIÁO          | 1                                            | 1941                          | 3                                          | Nhơn Khánh | 135        | 20         |                  |

|                                      |                         |   |      |    |               |     |    |                |
|--------------------------------------|-------------------------|---|------|----|---------------|-----|----|----------------|
| 33                                   | VÕ VĂN TẢO              | 1 | 1954 | 2  | Nhơn Khánh    | 120 | 20 |                |
| 34                                   | ĐẶNG THỊ LỜI            | 2 | 1941 | 1  | Nhơn Khánh    | 130 | 10 |                |
| 35                                   | ĐỖ THỊ LIÊN             | 2 | 1949 | 1  | Nhơn Khánh    | 125 | 20 |                |
| 36                                   | ĐỖ NGỌC HÒA             | 1 | 1969 | 2  | Nhơn Khánh    | 130 | 20 |                |
| 37                                   | PHAN THỊ KHANG          | 2 | 1973 | 3  | Nhơn Khánh    | 130 | 20 |                |
| 38                                   | ĐỖ THỊ THANH HIỀN       | 2 | 1978 | 3  | Nhơn Khánh    | 140 | 10 |                |
| 39                                   | TRẦN THỊ COI            | 2 | 1948 | 3  | Nhơn Khánh    | 110 | 20 |                |
| 40                                   | TRẦN HỒ                 | 1 | 1937 | 7  | Nhơn Khánh    | 130 | 20 |                |
| 41                                   | LÊ THỊ KIM ÁNH          | 2 | 1961 | 1  | Nhơn Khánh    | 135 | 20 |                |
| 42                                   | NGUYỄN THỊ ÁNH          | 2 | 1957 | 1  | Nhơn Khánh    | 140 | 20 |                |
| 43                                   | HÀ THỊ TỐI              | 2 | 1930 | 2  | Nhơn Khánh    | 135 | 20 |                |
| 44                                   | TRẦN VĂN DŨNG           | 1 | 1950 | 2  | Nhơn Khánh    | 135 | 20 |                |
| 45                                   | TRỊNH THỊ THƯƠNG THƯƠNG | 2 | 1977 | 4  | Nhơn Khánh    | 130 | 20 |                |
| 46                                   | NGUYỄN THỊ SƯƠNG        | 2 | 1948 | 1  | Nhơn Khánh    | 135 | 20 |                |
| 47                                   | VÕ LỢI                  | 1 | 1974 | 6  | Nhơn Khánh    | 135 | 20 |                |
| 48                                   | ĐẶNG THỊ QUYỀN          | 2 | 1945 | 1  | Nhơn Khánh    | 140 | 10 |                |
| 49                                   | HỒ THANH YẾN            | 2 | 1979 | 3  | Nhơn Khánh    | 130 | 20 |                |
| 50                                   | HÀ THỊ GIANG THUYỀN     | 2 | 1980 | 2  | Nhơn Khánh    | 135 | 10 |                |
| 51                                   | VÕ SANH PHÚ             | 1 | 1958 | 3  | Nhơn Khánh    | 135 | 20 |                |
| 52                                   | HỒ XUÂN PHƯƠNG          | 1 | 1942 | 2  | Nhơn Khánh    | 140 | 20 |                |
| 53                                   | TRẦN THỊ MẪU            | 2 | 1931 | 1  | Nhơn Khánh    | 115 | 30 |                |
| 54                                   | TRẦN TẤN PHÁT           | 1 | 1971 | 5  | Nhơn Khánh    | 135 | 20 |                |
| 55                                   | HÀ MAI VĂN              | 1 | 2000 | 2  | Nhơn Khánh    | 135 | 20 | Nghèo Xuống CN |
| 56                                   | HỒ NÉP                  | 1 | 1958 | 4  | Nhơn Khánh    | 140 | 10 | Nghèo Xuống CN |
| <b>VI. THÔN HỘI KHÁNH: 08 HỘ</b>     |                         |   |      | 22 |               |     |    |                |
| 57                                   | TRỊNH THỊ DẬY           | 2 | 1948 | 1  | Hội Khánh     | 125 | 20 |                |
| 58                                   | HỒ XUÂN                 | 1 | 1974 | 1  | Hội Khánh     | 135 | 20 |                |
| 59                                   | DƯƠNG VĂN TÀI           | 1 | 1950 | 2  | Hội Khánh     | 135 | 20 |                |
| 60                                   | HUỖNH THỊ NHẠN          | 2 | 1951 | 1  | Hội Khánh     | 135 | 20 |                |
| 61                                   | ĐÀO THỊ BÉ              | 2 | 1988 | 5  | Hội Khánh     | 125 | 20 |                |
| 62                                   | TRẦN THỊ THỆ            | 1 | 1937 | 2  | Hội Khánh     | 130 | 20 |                |
| 63                                   | PHẠM BÌNH               | 1 | 1968 | 5  | Hội Khánh     | 135 | 20 |                |
| 64                                   | NGUYỄN THÀNH TÂM        | 1 | 1987 | 5  | Hội Khánh     | 120 | 20 |                |
| <b>V. THÔN HỘI KHÁNH ĐÔNG: 15 HỘ</b> |                         |   |      | 36 |               |     |    |                |
| 65                                   | TRẦN MINH MẪN           | 1 | 1939 | 3  | Hội KhánhĐông | 135 | 20 |                |
| 66                                   | NGUYỄN PHƯƠNG           | 1 | 1957 | 6  | Hội KhánhĐông | 140 | 20 |                |
| 67                                   | NGUYỄN THỊ HON          | 2 | 1967 | 3  | Hội KhánhĐông | 135 | 20 |                |
| 68                                   | HUỖNH SANH              | 1 | 1960 | 2  | Hội KhánhĐông | 135 | 20 |                |
| 69                                   | TRẦN NUÔI               | 1 | 1949 | 5  | Hội KhánhĐông | 135 | 20 |                |
| 70                                   | LÊ LẠI                  | 1 | 1940 | 2  | Hội KhánhĐông | 135 | 20 |                |
| 71                                   | NGUYỄN VĂN TRONG        | 1 | 1959 | 1  | Hội KhánhĐông | 135 | 20 |                |
| 72                                   | PHAN CHỜ                | 1 | 1945 | 2  | Hội KhánhĐông | 140 | 20 |                |
| 73                                   | NGUYỄN THỊ HỒNG         | 2 | 1958 | 2  | Hội KhánhĐông | 135 | 20 |                |
| 74                                   | HUỖNH THỊ ÚT            | 1 | 1954 | 1  | Hội KhánhĐông | 140 | 20 |                |
| 75                                   | PHAN KINH               | 1 | 1938 | 1  | Hội KhánhĐông | 135 | 20 |                |
| 76                                   | NGUYỄN THỊ QUÝ          | 1 | 1950 | 2  | Hội KhánhĐông | 135 | 10 |                |

|                         |                |   |      |            |                |     |    |           |        |
|-------------------------|----------------|---|------|------------|----------------|-----|----|-----------|--------|
| 77                      | NGUYỄN THỊ VUI | 2 | 1978 | 3          | Hội Khánh Đông | 140 | 20 |           |        |
| 78                      | ĐÀO THỊ PHIN   | 2 | 1968 | 2          | Hội Khánh Đông | 135 | 20 | Phát Sinh | CN mới |
| 79                      | NGUYỄN THỊ XIN | 2 | 1946 | 1          | Hội Khánh Đông | 140 | 10 | Phát Sinh | CN mới |
| <b>TỔNG CỘNG: 79 HỘ</b> |                |   |      | <b>219</b> |                |     |    |           |        |

## NGƯỜI LẬP BIỂU

*Shaw*

## Huỳnh Thị Thảo



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH

Arma

## Võ Văn Hòa



Vạn Khánh, ngày      tháng năm 2024

**DANH SÁCH HỘ THOÁT NGHÈO SAU KHI RÀ SOÁT**  
(Kèm theo Quyết định số 158 /QĐ-UBND, ngày 18 /12/2024 của UBND xã Vạn Khánh)

| ST<br>T | Họ và tên chủ hộ          | Giới<br>tính<br>(1: Nam,<br>2: Nữ) | Ngày,<br>tháng<br>năm<br>sinh | Số<br>nhâ<br>n<br>khẩ<br>u<br>tron<br>g hộ | Địa chỉ        | Tổng điểm  |            | Ghi chú                                              |
|---------|---------------------------|------------------------------------|-------------------------------|--------------------------------------------|----------------|------------|------------|------------------------------------------------------|
|         |                           |                                    |                               |                                            |                | Điểm<br>B1 | Điểm<br>B2 |                                                      |
| A       | B                         | 1                                  | 2                             |                                            | 3              | 4          | 5          |                                                      |
|         | Thôn Hội Khánh Đông: 1 hộ |                                    |                               | 5                                          |                |            |            |                                                      |
| 1       | NGUYỄN PHỤNG              | 1                                  | 1981                          | 5                                          | Hội Khánh Đông | 180        | 10         | Vượt chuẩn hộ nghèo                                  |
|         | Thôn Tiên Ninh: 2 Hộ      |                                    |                               | 2                                          |                |            |            |                                                      |
| 2       | NGUYỄN ĐỘ                 | 1                                  | 1976                          | 1                                          | Tiên Ninh      |            |            | bỏ địa phương đi trước khi điều tra rà soát hộ nghèo |
| 3       | NGÔ THỊ LAN               | 2                                  | 1925                          | 1                                          | Tiên Ninh      |            |            | chết ( đã có quyết định)                             |
|         | Thôn Lâm Điền: 1 hộ       |                                    |                               | 3                                          |                |            |            |                                                      |
| 4       | BÙI XÊ                    | 1                                  | 1940                          | 3                                          | Lâm Điền       | 140        | 10         | Nghèo Xuống CN                                       |
|         | Thôn Nhơn Khánh : 2 hộ    |                                    |                               | 6                                          |                |            |            |                                                      |
| 5       | HÀ MAI VĂN                | 1                                  | 2000                          | 2                                          | Nhơn Khánh     | 135        | 20         | Nghèo Xuống CN                                       |
| 6       | HỒ NÉP                    | 1                                  | 1958                          | 4                                          | Nhơn Khánh     | 140        | 10         | Nghèo Xuống CN                                       |
|         | TỔNG CỘNG: 06 HỘ          |                                    |                               | 16                                         |                |            |            |                                                      |

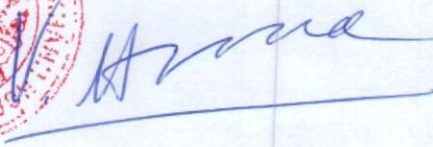
NGƯỜI LẬP BIỂU



Huỳnh Thị Thảo

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH





Võ Văn Hòa



Vạn Khánh, ngày      tháng      năm 2024

DANH SÁCH HỘ THOÁT CẬN NGHÈO SAU KHI RÀ SOÁT

(Kèm theo Quyết định số 158 /QĐ-UBND, ngày 18/12/2024 của UBND xã Vạn Khánh)

| S<br>T<br>T | Họ và tên chủ hộ          | Gi<br>ới<br>tín<br>h<br>(1:<br>Na | Ngày,<br>tháng<br>năm<br>sinh | Số<br>nh<br>ân<br>kh<br>ẩu<br>tro | Địa chỉ        | Tổng điểm  |            | Ghi chú                 |
|-------------|---------------------------|-----------------------------------|-------------------------------|-----------------------------------|----------------|------------|------------|-------------------------|
|             |                           |                                   |                               |                                   |                | Điểm<br>B1 | Điểm<br>B2 |                         |
| A           | B                         | 1                                 | 2                             |                                   | 3              | 4          | 5          |                         |
|             | Thôn Hội Khánh: 5 hộ      |                                   |                               | 20                                |                |            |            |                         |
| 1           | PHAN KÝ                   | 1                                 | 1940                          | 5                                 | Hội Khánh      | 190        | 10         | Vượt chuẩn cận nghèo    |
| 2           | THÁI THỊ HỒNG NHUNG       | 2                                 | 1978                          | 6                                 | Hội Khánh      | 150        | 10         | Vượt chuẩn cận nghèo    |
| 3           | PHAN THỊ GIỎI             | 2                                 | 1951                          | 2                                 | Hội Khánh      | 210        | 10         | Vượt chuẩn cận nghèo    |
| 4           | ĐINH KHẮC QUANG           | 1                                 | 1959                          | 2                                 | Hội Khánh      | 185        | 10         | Vượt chuẩn cận nghèo    |
| 5           | HỒ THỊ SÁU                | 2                                 | 1951                          | 5                                 | Hội Khánh      | 210        | 0          | Vượt chuẩn cận nghèo    |
|             | Thôn Hội Khánh Đông: 6 hộ |                                   |                               | 33                                |                |            |            |                         |
| 6           | NGUYỄN THỊ ĐÔNG           | 1                                 | 1968                          | 5                                 | Hội Khánh Đông | 190        | 10         | Vượt chuẩn cận nghèo    |
| 7           | ĐẶNG KIM HỒNG             | 1                                 | 1976                          | 6                                 | Hội Khánh Đông | 155        | 20         | Vượt chuẩn cận nghèo    |
| 8           | ĐOÀN THỊ LINH             | 2                                 | 1931                          | 6                                 | Hội Khánh Đông | 160        | 10         | Vượt chuẩn cận nghèo    |
| 9           | TRẦN QUỐC TUẤN            | 1                                 | 1971                          | 7                                 | Hội Khánh Đông | 195        | 10         | Vượt chuẩn cận nghèo    |
| 10          | NGUYỄN THỊ KIM DUYÊN      | 2                                 | 1965                          | 2                                 | Hội Khánh Đông | 190        | 10         | Vượt chuẩn cận nghèo    |
| 11          | NGUYỄN THANH TRUNG        | 1                                 | 1970                          | 7                                 | Hội Khánh Đông | 200        | 10         | Vượt chuẩn cận nghèo    |
|             | Thôn Nhơn Khánh : 1 hộ    |                                   |                               | 6                                 |                |            |            |                         |
| 12          | BÙI CHÍN                  | 1                                 | 1942                          | 6                                 | Nhơn Khánh     | 180        | 10         | Vượt chuẩn cận nghèo    |
|             | Thôn Lâm Điền : 01 hộ     |                                   |                               | 1                                 |                |            |            |                         |
| 13          | PHẠM THỊ NHỆN             | 2                                 | 1955                          | 1                                 | Lâm Điền       | 155        | 10         | Vượt chuẩn cận nghèo    |
|             | Thôn Tiên Ninh : 1 hộ     |                                   |                               | 4                                 |                |            |            |                         |
| 14          | NGUYỄN THỊ NGỌC THỦY      | 2                                 | 1994                          | 4                                 | Tiên Ninh      | 100        | 40         | Từ Cận nghèo sang nghèo |
|             | TỔNG CỘNG: 14 HỘ          |                                   |                               | 64                                |                |            |            |                         |

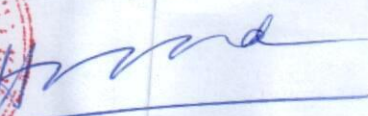
NGƯỜI LẬP BIỂU



Huỳnh Thị Thảo

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



  
Võ Văn Hòa

